

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 12-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thường.
2. Ông Đặng Hải Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn NS (nay là thôn QT), xã K, tỉnh Bắc Ninh. Căn cước công dân số 024181015892, cấp ngày 17/12/2021. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn SN, xã TS, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn SN, xã TS, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2026, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Do có quen biết ngày 09/3/2020 anh Hoàng Văn Th có nhu cầu vay tiền nên đã đến nhà bà hỏi vay tiền. Hai bên đã lập và cùng ký biên bản vay tiền với số tiền vay là 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thời hạn vay từ 09/3/2020 đến ngày 09/5/2020, để làm tin anh Hoàng Văn Th đã tự nguyện để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi anh Thượng về, bà kiểm tra mới biết giấy chứng nhận số BR 894565 đứng tên ông Hoàng Văn Phấn, để thừa kế cho bà Phan Thị Bích theo hồ sơ số 2709.TK.001. Tuy nhiên khi

đến hạn trả nợ anh Hoàng Văn Th không trả tiền, bà đã nhiều lần liên hệ nhưng anh Hoàng Văn Th trốn tránh hoặc hẹn hết lần này đến lần khác. Đến nay anh Hoàng Văn Th vẫn chưa trả tiền gốc.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Hoàng Văn Th khai chỉ được vay của bà 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 900.000 đồng/tháng là không chính xác, giấy “biên nhận vay tiền” đã thể hiện rõ số tiền vay là 40.000.000 đồng.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 894565 đứng tên ông Hoàng Văn Phấn do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 02/12/2013, đề thừa kế cho bà Phan Thị Bích theo hồ sơ số 2709.TK.001. Bà sẽ trả lại cho anh Hoàng Văn Th khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, bà khởi kiện anh Hoàng Văn Th và chị Hoàng Thị T, tuy nhiên do anh Hoàng Văn Th nhận việc vay tiền bà để chi tiêu cá nhân, không liên quan đến chị Hoàng Thị T nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Hoàng Thị T, chỉ yêu cầu cá nhân anh Hoàng Văn Th trả số tiền còn nợ gồm có tiền gốc 40.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu về tiền lãi tính từ ngày 10/5/2020 đến ngày 09/6/2026 là 24.340.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2026, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Hoàng Văn Th trình bày:* Do có nhu cầu cần vay tiền nên vào năm 2020, anh đã vay tiền của bà Lê Thị H số tiền gốc 10.000.000 đồng. Khi vay anh có được ký giấy vay tiền và thỏa thuận bằng miệng vay 10.000.000 đồng, lãi suất 900.000 đồng/tháng, gốc và lãi trả theo tháng. Sau khi vay tiền xong, do say rượu nên anh có để quên trên xe ô tô của bà Lê Thị H (tại phiên tòa anh Thượng khai để quên tại nhà bà Lê Thị H) 01 Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BR 894565; khi biết để quên, anh có gọi điện cho bà Hạnh bảo cầm hộ anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 06 tháng sau kể từ khi vay tiền, do thấy tiền gốc và tiền lãi cao quá, anh không có khả năng trả và hẹn bà Lê Thị H khi nào có tiền thì trả. Khoảng tháng 2 năm 2026, bà Hạnh tìm anh yêu cầu trả nợ nhưng anh nói đợi thêm vài tháng nữa thì sẽ trả nên bà Lê Thị H khởi kiện đến Tòa án.

Đối với Giấy “Biên nhận vay tiền” đề ngày 09/3/2020, do nguyên đơn bà Hạnh cung cấp, đứng tại mục BÊN VAY TIỀN là anh đã được ký và ghi rõ họ tên nhưng khi ký giấy Biên nhận vay tiền thì là giấy trắng, anh có biết chữ nhưng không được đọc các nội dung bà Lê Thị H điền trong giấy (tại phiên tòa anh Thượng khai là giấy vay tiền có nội dung đánh máy có để trống mục số tiền), tuy uống một ít rượu nhưng anh vẫn có đầy đủ nhận thức về hành vi. Do thời gian đã lâu nên anh không nhớ cầm số tiền của bà Lê Thị H bằng hình thức nào (tại phiên tòa anh trình bày được nhận tiền mặt). Việc vay tiền là anh vay để chi tiêu cá nhân không liên quan tới chị Hoàng Thị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu anh trả tổng số tiền 70.000.000 đồng. Anh chỉ đồng ý trả nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng do chỉ được vay số tiền này và số tiền lãi tính từ ngày vay đến nay là 900.000 đồng/tháng. Tổng số tiền anh đồng ý trả cho bà Lê Thị H là 77.500.000 đồng. Tại phiên tòa anh đồng

ý trả cho bà Lê Thị H số tiền 77.500.000 đồng và trả luôn tại phiên tòa. Còn nếu bà Lê Thị H đồng ý cho anh trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và không tính lãi thì anh sẽ trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Văn Phần (là bố đẻ), do anh để quên nên anh yêu cầu bà Lê Thị H cho xin lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 16, 19, 20, 117, 118, 119, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc buộc bị đơn anh Hoàng Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền hai bên đã ký kết ngày 09/3/2020 (dương lịch) và tiền lãi của 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 10/5/2020 dương lịch đến ngày 09/6/2026 số tiền 24.333.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn chị Hoàng Thị T, do nguyên đơn bà Lê Thị H rút yêu cầu khởi kiện. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí: áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn Th phải trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/3/2020 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Hoàng Văn Th cư trú tại Thôn SN, xã TS, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

[2] Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị H khởi kiện vợ chồng anh Hoàng Văn Th và chị Hoàng Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Hoàng Thị T, chỉ yêu cầu anh Hoàng Văn Th trả số tiền đã vay. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là

hoàn toàn tự nguyện, theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận và đình chỉ việc xét xử đối với chị Hoàng Thị T.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

[4] Về nội dung: bà Lê Thị H giao nộp cho Tòa án 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/3/2020 có nội dung anh Hoàng Văn Th vay của bà Lê Thị H số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi lãi suất, thời hạn thanh toán là ngày 09/5/2020, có chữ ký, chữ viết bên vay tiền là Hoàng Văn Th. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H và anh Hoàng Văn Th đều thống nhất năm 2020, bà Lê Thị H cho anh Hoàng Văn Th vay tiền mặt, ngoài khoản vay này, giữa hai bên không còn khoản vay nào khác và đến nay anh Hoàng Văn Th chưa trả bất cứ khoản tiền nào bà Lê Thị H. Như vậy có căn cứ để xác định giữa anh Hoàng Văn Th và bà Lê Thị H có tồn tại quan hệ vay mượn tiền của nhau. Tuy nhiên các bên có mâu thuẫn với nhau về số tiền vay, cụ thể: bà Lê Thị H cho rằng anh Hoàng Văn Th vay số tiền 40.000.000 đồng theo nội dung của giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/3/2020; bị đơn anh Hoàng Văn Th thừa nhận có được ký giấy vay tiền với bà Lê Thị H nhưng số tiền thực tế vay là 10.000.000 đồng, lãi suất là 900.000 đồng/tháng (thỏa thuận bằng miệng), tính cả gốc và lãi đến tháng 06/2026 là 77.500.000 đồng. Tuy nhiên anh Hoàng Văn Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh phần trình bày nêu trên. Ngoài ra, lời khai của anh Hoàng Văn Th có sự mâu thuẫn nhau, khi thì anh cho rằng anh ký vào “*giấy trắng*”, khi thì lại cho rằng “*không được đọc cái nội dung bà Hạnh điền trong giấy*”, tại phiên lại khẳng định được ký trong mục BÊN VAY TIỀN nhưng cho rằng “*giấy mẫu in sẵn chưa điền nội dung*”. Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2026, anh Hoàng Văn Th trình bày, đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của anh tại mục BÊN VAY TIỀN tại giấy “*biên nhận vay tiền*” ngày 09/3/2020 mà nguyên đơn bà Lê Thị H cung cấp, tuy nhiên anh không biết chi phí giám định bao nhiêu nên sẽ xem xét sau. Ngày 02/7/2026, Tòa án đã ban hành thông báo hướng dẫn anh Hoàng Văn Th thực thủ tục yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Tuy nhiên khi hết thời hạn thông báo, phía bị đơn không thực hiện các thủ tục để trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[5] Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bà Lê Thị H và anh Hoàng Văn Th có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm các bên giao kết Hợp đồng nên hoàn toàn hiểu và xác định được hậu quả của việc ký kết giấy biên nhận vay tiền. Khi tham gia giao kết Hợp đồng các bên đã được ký kết trên cơ sở tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

[6] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng, ngày 09/3/2020 bị đơn anh Hoàng Văn Th đã vay của bà số tiền 40.000.000 đồng, đến nay bị đơn anh Hoàng Văn Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn Th có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

[7] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo giấy biên nhận vay tiền, thời điểm tính lãi từ 10/5/2020 đến ngày 09/6/2026 theo quy định của pháp luật. Hiện tại bị đơn chưa thanh toán số tiền nợ gốc, vì vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 2, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm mức lãi suất thì tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất 10% trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc (ngày 10/5/2020), cụ thể: Từ 10/5/2020 đến 09/6/2026 là 2.221 ngày x 40.000.000 đồng x 10% : 365 ngày = 24.340.000 đồng (làm tròn số).

[8] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng, sau khi ký giấy biên nhận vay tiền, số tiền thực tế được nhận là 10.000.000 đồng, lãi suất là 900.000 đồng/tháng nên anh đồng ý trả nợ cho bà Hạnh nhưng số tiền gốc và lãi đã trình bày, tổng cả gốc và lãi là 77.500.000 đồng (vượt quá lãi suất do pháp luật quy định) hoặc trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và không tính lãi thì anh sẽ trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý và đề nghị giải quyết theo đúng yêu cầu khởi kiện do đó cần xem xét trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 894565 đứng tên ông Hoàng Văn Phấn do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 02/12/2013, để thừa kế cho bà Phan Thị Bích theo hồ sơ số 2709.TK.001 theo nguyên đơn trình bày là do bị đơn mang đến khi vay tiền để làm tin và không làm thủ tục đăng ký thế chấp, hợp đồng bảo đảm tài sản cho khoản vay; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố và trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để quên ở nhà bà Lê Thị H và đề nghị trả lại. Nguyên đơn tự nguyện trả lại cho anh Hoàng Văn Th khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn anh Hoàng Văn Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại bà Lê Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ chứng minh phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với số tiền lãi, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định của pháp luật.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, buộc bị đơn anh Hoàng Văn Th có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho bà Lê Thị H tổng số tiền 64.340.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi (tính từ ngày 10/5/2020 đến ngày 09/6/2026) là 24.340.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà Lê Thị H) có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án (anh Hoàng Văn Th) chậm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn chị Hoàng Thị T do nguyên đơn bà Lê Thị H rút yêu cầu khởi kiện. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Án phí: Bị đơn anh Hoàng Văn Th phải chịu 3.217.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại bà Hạnh số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001234 ngày 01/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 34, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;

- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thảo Nguyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thương

Đặng Hải Quân

Ngô Thảo Nguyên